TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 13 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số số 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Thái Viết V**– Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ 58, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng

- Bà **Nguyễn Thị T**- Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ 146, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tvà ông Thái Viết Vkết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà T, ông V về chung sống tại tổ 141 (cũ) tổ 58 (mới), phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã. Do đó, ông V và bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông V đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông V .

[2] Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Tvà ông Thái Viết Vcùng xác nhận có 02 con chung tên Thái Nhật Q – Sinh ngày 21.3.2008 và ông Thái Viết Minh Nh – Sinh ngày 25.8.2012. Ông V và bà T thỏa thuận: Ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thái Nhật Q và bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thái Viết Minh Nh . Hai bên tự nuôi con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết Vthống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết Vxác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết V chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết V thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2007 ngày 04.7.2007 của Ủy ban nhân dân xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết Vxác nhận có 02 con chung tên Thái Nhật Q – Sinh ngày 21.3.2008 và ông Thái Viết Minh Nh – Sinh ngày 25.8.2012. Ông V và bà T thỏa thuận: Ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thái Nhật Q và bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thái Viết Minh N . Hai bên tự nuôi con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T Tuyết và ông Thái Viết V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết V thống nhất xác nhận không có.

2. Về lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị T và ông Thái Viết V nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004611 ngày 05.10.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy